TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Số: 2537/QĐ-CLM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành giá bán than anthracite Lào giao tháng 8/2026

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023 và các Luật sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ;

Theo Tờ trình ngày 28/10/2026 của Phòng Xuất nhập khẩu than về việc ban hành giá bán than anthracite Lào giao tháng 8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá bán than anthracite Lào giao trên phương tiện thủy tại cảng Cẩm Phả, Việt Nam. Chủng loại than và giá bán than theo Bảng giá đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ 0 giờ 00' ngày /10/2026.

Điều 3. Các Phó giám đốc Công ty, Phòng Xuất nhập khẩu Than, Phòng Kế toán Tài chính và các Phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, XNKT.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0100106... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN-VINACOMIN COALIMEX THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phạm Minh

BẢNG GIÁ BÁN THAN ANTHRACITE LÀO GIAO THÁNG 8/2026

(Kèm theo Quyết định số 2537/QĐ-CLM ngày 29 tháng 10 năm 2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin)

Đơn vị tính: đồng/tấn

STT	Tàu vận chuyển	Đơn vị nhận than	Đơn giá bán
1	Việt Thuận 215-06 (lô 0826/01)	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	2.917.929
		Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	2.956.670
		Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa - TKV	2.964.264
2	Việt Thuận 235-06 (lô 0826/02)	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	2.940.147
		Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	2.960.088
		Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	2.974.531
3	Trường Nguyên Star (lô 0826/03)	Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	2.972.384
		Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	2.969.122
		Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	2.985.347
4	Việt Thuận 235-07 (lô 0826/04)	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	2.970.734
		Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	2.975.680
5	Việt Thuận 26-03 (lô 0826/05)	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	2.894.020
		Công ty Tuyển than Hòn Gai - Vinacomin	2.920.351
		Công ty Kho vận Đá Bạc - Vinacomin	2.960.650
		Công ty Cổ phần Kinh doanh than Cẩm Phả - Vinacomin	2.942.715

Ghi chú:

a) Giá than của các đơn vị nhận than được tính theo các Công văn số 7417/TKV-KDT-KH-KTTC ngày 24/12/2025, số 912/TKV-KDT-KH-KTTC ngày 13/02/2026 và các Quyết định số 657/QĐ-TKV ngày 16/4/2026, số 2703/QĐ-TKV ngày 20/4/2026 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

b) Giá than là giá giao xuống phương tiện vận tải thủy của đơn vị nhận than tại khu neo chuyển tải cảng Cẩm Phả, Quảng Ninh, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%; gồm giá mua than xuất xứ Lào, thuế bảo vệ môi trường, thuế nhập khẩu, hao hụt bốc dỡ, phí giám định, chi phí điều hành, chi phí quản lý và lợi nhuận định mức của Công ty quy về độ ẩm 8,5%./.